TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/DS - ST
Ngày: 04/10/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT – TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hòa và bà Phạm Thị Hồng
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Uyên - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04, 16, tháng 9 và ngày 04 tháng 10 năm 2024 tại Phòng xử án TAND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 54/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 128/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2024, thông báo tiếp tục tạm ngừng phiên tòa số 04/2024/QĐST-DS ngày 16/9/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 146/2024/QĐST-DS ngày 27/9/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1970
Địa chỉ: Thôn Hà T, xã Đăk W, huyện C, tỉnh Đăk N.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Ngọc D và bà Vũ Thị Bích Đ; địa chỉ: Số 08A Ngô Q, thị trấn Ea T, huyện Cư J, tỉnh Đăk N (Văn bản ủy quyền số 24, quyển số 01/2024- SCT/HĐ,GD) - Bà Đ và ông D có mặt.

Bị đơn: Bà Triệu Thị Th
Địa chỉ: Số nhà 89, Thôn Thái H, xã Đăk W, huyện Cư J, tỉnh Đăk N - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn do bà Vũ Thị Bích Đ đại diện trình bày:

- Ngày 23/5/2019 bà T cho bà Th vay số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Hợp đồng vay được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản chính, Hợp đồng vay tiền ngày 23/5/2019 do chính bà Th viết, tại nhà của bà Th tại Thôn Thái H, xã Đăk W, huyện Cư J, tỉnh Đăk N, trong hợp đồng vay không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận lãi suất bên ngoài là 10%/năm, thời hạn vay từ ngày 23/5/2019 đến

ngày 23/6/2019 (tức là 01 tháng), *thời hạn vay có ghi nhầm 23/5/2019 thành 23/6/2019*.

- Tiếp đến ngày 25/11/2019 bà T cho bà Th vay số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Hợp đồng vay được lập thành 01 bản do bà T giữ bản chính, Hợp đồng vay tiền ngày 25/11/2019 do chính bà Th viết, tại nhà của bà T tại Thôn Hà T, xã Đăk W, huyện Cư J, tỉnh Đăk N, hợp đồng vay không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận lãi suất bên ngoài là 10%/năm, thời hạn vay từ ngày 25/11/2019 đến ngày 25/12/2019 (tức là 01 tháng), *thời hạn vay có ghi nhầm 25/11/2019 ghi thành 11/11/2019*.

Nay bà Đinh Thị T yêu cầu bà Triệu Thị Th phải trả cho bà Đinh Thị T số tiền gốc của hai khoản vay ngày 23/5/2019 và ngày 25/11/2019 là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Tiền lãi quá hạn của khoản vay ngày 23/5/2019 tạm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ (tức ngày 24/6/2019 đến ngày khởi kiện) theo mức lãi suất 10% là 70.965.000 đồng.

Tiền lãi quá hạn của khoản vay ngày 25/11/2019 tạm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ (tức ngày 26/12/2019 đến ngày khởi kiện) theo mức lãi suất là 10% là 63.495.000 đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 300.000.000 + 70.965.000 + 63.495.000 = 434.460.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn P là chồng của bà Đinh Thị T có văn bản trình bày: Việc vay mượn giữa bà T và bà Th theo hợp đồng vay tiền ngày 23/5/2019 và ngày 25/11/2019 là do bà T tự đứng ra xác lập, ký kết, ông P không biết và cũng không tham gia vào giao dịch này. Số tiền bà T khởi kiện yêu cầu bà Th trả là tài sản riêng của bà T. Do đó ông không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến việc xác nhận nợ giữa bà T và bà Th, cũng như ông không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Và bà Thủy chỉ yêu cầu cá nhân bà Th, không yêu cầu chồng bà Th phải trả khoản nợ trên.

Đối với bị đơn bà Triệu Thị Th: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần và niêm yết các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa*:*

* Người được nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng xác nhận ngày 24/1/2020 (*ghi nhầm là ngày 24/1/2019 trong Hợp đồng vay tiền ngày 25/11/2019*) bà Triệu Thị Th đã trả cho bà Đinh Thị T số tiền 40.000.000 đồng, đây là khoản tiền gốc bà Th trả cho bà T cho khoản vay ngày 25/11/2019 nên được ghi vào phần người làm chứng của Hợp đồng vay tiền ngày 25/11/2019. Và ba lần bà Th chuyển khoản cho bà T cụ thể ngày 28/10/2022 chuyển khoản trả 10.000.000 đồng, ngày 20/01/2023 chuyển

khoản trả 10.000.000 đồng và ngày 11/8/2023 chuyển khoản trả 8.000.000 đồng, tổng cộng 03 lần chuyển khoản là 28.000.000 đồng. Tất cả các khoản tiền bà Thanh đã trả cho bà Thủy của khoản vay ngày 25/11/2019 là 40.000.000 + 28.000.000 = 68.000.000 đồng. Như vậy bà Th còn nợ bà T số tiền gốc của Hợp đồng vay ngày 25/11/2019 là 150.000.000 – 68.000.000 = 82.000.000 đồng.

Tất cả những khoản vay và khoản trả đều được tính theo ngày dương lịch.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) buộc bà Triệu Thị Th phải trả cho bà Đinh Thị T số tiền gốc của khoản vay ngày 23/5/2019 là 150.000.000 đồng và khoản vay ngày 25/11/2019 là 82.000.000 đồng và lãi suất được tính cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay ngày 23/5/2019: Tiền lãi quá hạn kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ tức 24/6/2019 tính đến ngày xét xử ngày 04/10/2024 (làm tròn 63 tháng) là: 150.000.000 x 0,83% x 63 = 78.435.000 đồng

- Đối với khoản vay ngày 25/11/2019: Tiền lãi quá hạn kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ tức 26/12/2019 tính đến ngày xét xử ngày 04/10/2024 (làm tròn 57 tháng) là: 82.000.000 x 0,83% x 57 = 38.794.200 đồng

Tổng cộng hai khoản vay cả gốc và lãi: 150.000.000 + 82.000.000 + 78.435.000 + 38.794.200 = 349.229.200 đồng.

* Bị đơn bà Triệu Thị Th trình bày: Bà thừa nhận có vay của bà Đinh Thị T hai lần với số tiền 300.000.000 đồng như lời đại diện nguyên đơn trình bày, tuy nhiên bà đã trả hết cho bà Thủy 300.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh cụ thể như sau:

1/ 40.000.000 đồng trả trước.

2/ Một năm mỗi tháng trả 13.350.000 x 12 = 160.200.000 đồng

3/ Tháng 02/2021 trả 20.000.000 đồng.

4/ Tháng 03/2021 trả 5.000.000 đồng.

5/ Tháng 4/2021 trả 12.000.000 đồng.

6/ Tháng 5/2021 trả 23.000.000 đồng.

7/ Ngày 13/12/2021 trả 100.000.000 đồng.

8/ Ngày 23/4/2022 trả 22.000.000 đồng.

9/ Ngày 28/10/2022 chuyển khoản trả 10.000.000 đồng

10/ Ngày 20/01/2023 chuyển khoản trả 10.000.000 đồng

11/ Ngày 11/8/2023 chuyển khoản trả 8.000.000 đồng

Tổng cộng là: 410.200.000 đồng. Trong đó 40.000.000 đồng tiền mặt và 03 lần chuyển khoản với số tiền 28.000.000 đồng bà Thủy đã thừa nhận là có nhận của bà Th (Bà Th cũng đồng ý các khoản này là trả cho khoản vay ngày 25/11/2019 và số tiền 40.000.000 là trả vào ngày 24/01/2020), còn các lần còn lại đều đưa tiền mặt không có giấy tờ gì, bà chỉ chụp được hình ảnh bà T đang ngồi đếm tiền bà trả. Do bà Thanh đã trả hết tiền cho bà T cả gốc và lãi nên bà không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà cũng thống nhất tất cả những khoản vay và khoản trả đều được tính theo ngày dương lịch

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn cũng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Bà T khởi kiện yêu cầu bà Th phải trả tiền theo hai giấy tiền ngày 23/5/2019 và ngày 25/11/2019, bà Thanh cũng thừa nhận có vay của bà Thủy số tiền 300.000.000 đồng như lời bà T trình bày đây là những tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Th cho rằng bà đã trả đủ cho bà T cả gốc và lãi với số tiền 410.200.000 đồng, tuy nhiên bà T chỉ thừa nhận bà Th đã trả cho bà T 40.000.000 đồng tiền mặt và 03 lần chuyển khoản với số tiền 28.000.000 đồng, ngoài ra bà Th không còn chứng cứ nào khác về việc đã trả tiền cho bà T. Do đó đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Triệu Thị Th phải trả cho bà Đinh Thị T số tiền gốc của khoản vay ngày 23/5/2019 là 150.000.000 đồng và khoản vay ngày 25/11/2019 là 82.000.000 đồng và lãi suất chậm trả của hai khoản vay nói trên theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ pháp luật: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải phải trả số tiền hai lần vay là 300.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, do đó quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Triệu Thị Th có nơi cư trú tại: Thôn Thái H, xã Đăk W, huyện Cư J, tỉnh Đăk N, vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Đinh Thị T yêu cầu bị đơn bà Triệu Thị Th phải trả số tiền nợ gốc của hai khoản vay ngày 23/5/2019 là 150.000.000 đồng và ngày 25/11/2019 là 82.000.000 đồng.

Bà Đinh Thị T cung cấp cho Tòa án 02 Giấy vay tiền ngày 23/5/2019 và ngày 25/11/2019 (bản gốc) có nội dung Bên A đồng ý cho Bên B vay số tiền 150.000.000 đồng, hai lần vay tổng cộng là 300.000.000 đồng và bà Thanh cũng đã thừa nhận tại phiên tòa là bà Th có vay của bà T số tiền 300.000.000 đồng như lời bà T trình bày đây là những tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Th trình bày sau khi vay bà đã trả cho bà T nhiều lần với tổng số tiền 410.200.000 đồng, tuy nhiên bà T chỉ thừa nhận bà Th đã trả cho bà Thủy 40.000.000 đồng tiền mặt và 03 lần chuyển khoản với số tiền 28.000.000 đồng của khoản vay ngày 25/11/2019, ngoài ra bà Th chỉ có hình ảnh chụp bà T đang ngồi đếm tiền, không thể xác

định được hình ảnh đếm tiền có phải là tiền của bà Th trả nợ cho bà T không và số tiền cụ thể là bao nhiêu. Như vậy, chỉ có thể xác định bà Th đã trả cho bà T số tiền 68.000.000 đồng của của khoản vay ngày 25/11/2019. Do đó yêu cầu của bà T yêu cầu bà Th trả số tiền gốc của khoản vay ngày 23/5/2019 là 150.000.000 đồng và khoản vay ngày 25/11/2019 là 150.000.000 – 68.000.000 = 82.000.0000 là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: Bà T yêu cầu như sau:

- Đối với khoản vay ngày 23/5/2019: Tiền lãi quá hạn kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ tức 24/6/2019 tính đến ngày xét xử ngày 04/10/2024 (làm tròn 63 tháng) là: 150.000.000 x 0,83% x 63 = 78.435.000 đồng

- Đối với khoản vay ngày 25/11/2019: Tiền lãi quá hạn kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ tức 26/12/2019 tính đến ngày xét xử ngày 04/10/2024 (làm tròn 57 tháng) là: 82.000.000 x 0,83% x 57 = 38.794.200 đồng.

Cả hai giấy vay tiền ngày 23/5/2019 và ngày 25/11/2019 các bên đều không thỏa thuận lãi suất. Giấy vay tiền ngày 23/5/2019 ngày kết thúc khoản vay là ngày 23/6/2019 và Giấy vay tiền ngày 25/11/2019 ngày kết thúc khoản vay là ngày 25/12/2019. Bà T và bà Th cũng đã thừa nhận các khoản vay và trả nợ đều là ngày dương lịch. Tại khoản 1 điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định như sau:

Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc).

Bà T yêu cầu lãi suất 0,83% tháng tương đương 9,96%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật và cách tính tiền lãi của bà T cũng phù hợp. Do đó yêu cầu của bà T buộc bà Th phải trả số tiền lãi của khoản vay ngày 23/5/2019 là 78.435.000 đồng và khoản vay ngày 25/11/2019 là 38.794.200 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Triệu Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 17.461.460 đồng.

Bà Đinh Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.689.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005036 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị T.

Buộc bà Triệu Thị Th phải trả cho bà Đinh Thị T số tiền gốc của khoản vay ngày 23/5/2019 là 150.000.000 (*Một trăm năm mươi triệu*) đồng và khoản vay ngày 25/11/2019 là 82.000.000 (*Tám mươi hai triệu*) đồng và lãi suất được tính cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay ngày 23/5/2019: Tiền lãi quá hạn kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ tức 24/6/2019 tính đến ngày xét xử ngày 04/10/2024 (làm tròn 63 tháng) là: 150.000.000 x 0,83% x 63 = 78.435.000 đồng

- Đối với khoản vay ngày 25/11/2019: Tiền lãi quá hạn kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ tức 26/12/2019 tính đến ngày xét xử ngày 04/10/2024 (làm tròn 57 tháng) là: 82.000.000 x 0,83% x 57 = 38.794.200 đồng

Tổng cộng hai khoản vay cả gốc và lãi: 150.000.000 + 82.000.000 + 78.435.000 + 38.794.200 = 349.229.200 (*Ba trăm bốn mươi chín triệu hai trăm hai mươi chín nghìn hai trăm*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đinh Thị T cho đến khi thi hành xong, bà Triệu Thị Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Triệu Thị Th phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.461.460 (*Mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm sáu mươi)* đồng.

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.689.000 (*Mười triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005036 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông cho bà Đinh Thị Thủy.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Bà Đinh Thị T và bà Triệu Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân tỉnh Đăk Nông;*
- *VKSND huyện Cư Jút*;
- *CCTHADS Huyện Cư Jút*;
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP, hồ sơ .*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh